

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 08-6-2022
V/v kiện ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Triết.

Các Thẩm phán: 1. Ông Y Phi Kbuôr

2. Ông Nguyễn Văn Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Phúc - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2022/TLPT- HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022 về “Kiện ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2022/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện M’ Đrăk, tỉnh Đăk Lăk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2022/QĐ-PT ngày 17 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn TL, xã CM, huyện M, tỉnh Đăk Lăk, có mặt.

*** Bị đơn:** Bà Đinh Thị V, sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn TL, xã CM, huyện M, tỉnh Đăk Lăk, có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn TL, xã CM, huyện M, tỉnh Đăk Lăk, vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1999. Địa chỉ: Thôn TL, xã CM, huyện M, tỉnh Đăk Lăk, vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

1. Bà Đinh Thị G, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn H, xã CM, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Tống Thị X (tên gọi khác: A), sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn H, xã CM, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Bà Trịnh Thị P, sinh năm 1963. Địa chỉ: Thôn TL, xã CM, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Văn N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Tôi với bà Đinh Thị V đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CM, huyện M, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 11/3/1995. Sau khi về chung sống thì vợ chồng tôi sống hạnh phúc và có 02 con chung. Tuy nhiên, đến đầu năm 2017 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng sống không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi nhau, đôi lúc còn xảy ra xô xát. Hai vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Tôi nhận thấy không còn tình cảm với bà Đinh Thị V nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với bà Đinh Thị V.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng tôi có 02 con chung: Cháu Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 02/12/1996 và Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 10/02/1999. Hiện nay, cháu Nguyễn Văn Đ và cháu Nguyễn Thị Mỹ H trên 18 tuổi nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn bà Đinh Thị V trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân và con chung: Tôi thừa nhận ông Nguyễn Văn N trình bày là đúng. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn gia đình ông Nguyễn Văn N trình bày không đúng sự thật. Quá trình sinh sống, hoàn cảnh gia đình

khó khăn, con trai của chúng tôi là Nguyễn Văn Đ kinh doanh buôn bán và thua lỗ. Ông Nguyễn Văn N không động viên vợ con mà nghe lời xúi giục của người khác về nhà chửi, xúc phạm tôi và con trai tôi. Vì hạnh phúc gia đình nên tôi bỏ qua và tha thứ cho ông N. Hiện nay tôi vẫn còn tình cảm với ông Nguyễn Văn N. Nguyên vọng của tôi không đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Văn N. Hiện nay các con của tôi còn nhỏ, đang đi học và sống phụ thuộc vào bố mẹ. Tôi mong muốn Tòa án xem xét giải quyết thấu tình đạt lý để gia đình tôi được đoàn tụ, sống cùng với nhau và các con của tôi có người bố quan tâm, chăm sóc, giáo dục.

Về tài sản chung: Tôi với ông Nguyễn Văn N có thửa đất số 09, tờ bản đồ số 02, diện tích 4.356,5 m². Địa chỉ: Thôn TL, xã CM, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Được Ủy ban nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 049368 ngày 08/7/1994 cho ông Nguyễn Đ N (Ngày 25/8/2011 đã đính chính lại tên Nguyễn Văn N). Nguồn gốc thửa đất trên do ông Nguyễn Văn N nhận chuyển nhượng từ năm 1992.

Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi đã xây dựng các công trình trên đất và tạo lập được các tài sản khác gồm: 01 bộ bàn ghế Âu Á, chất liệu gỗ hương; 01 bộ phản chất liệu bằng gỗ dổi; 01 bộ phản chất liệu bằng gỗ lát; 01 bộ bàn ăn chất liệu bằng gỗ dổi; 01 xe mô tô nhãn hiệu AirBlack mua năm 2017 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave mua năm 2011.

Quá trình giải quyết vụ án, tôi yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. Tuy nhiên, hiện nay tôi không đồng ý ly hôn nên xin rút về yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Mỹ H cùng trình bày:** Anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Mỹ H là con của ông Nguyễn Văn N và bà Đinh Thị V.

Trong cuộc sống gia đình, anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Mỹ H nhận thấy bà Đinh Thị V vẫn còn tình cảm với ông Nguyễn Văn N, luôn chăm

sóc hạnh phúc cho cả gia đình. Công việc chính của bà Đinh Thị V là buôn bán tại chợ thị trấn M, huyện M để lo cuộc sống mưu sinh cho gia đình và lo cho hai anh em được đi học.

Trong thời gian vừa qua, chỉ vì hiểu nhầm bà Đinh Thị V và ghen tuông vô cớ mà ông Nguyễn Văn N làm đơn ly hôn đối với bà Đinh Thị V. Anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Mỹ H thấy rằng việc làm của ông Nguyễn Văn N là không đúng. Anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Mỹ H đề nghị Tòa án xem xét để gia đình tôi được đoàn tụ và sống hạnh phúc.

*** Người làm chứng bà Tống Thị X và bà Đinh Thị G trình bày:** Bà X và bà G là chị em trong gia đình với vợ chồng ông N, bà V. Từ trước tới nay gia đình bà X, bà G không có mâu thuẫn gì với vợ chồng ông N, bà V. Quá trình sinh sống tại địa phương, vợ chồng ông N, bà V vẫn đi làm bình thường và không có mâu thuẫn gì. Các con của ông N, bà V đang nhỏ, cháu H đang đi học Đại học và chưa tốt nghiệp ra trường. Là chị em trong gia đình, bà X và bà G đề nghị Tòa án giải quyết để vợ chồng ông N, bà V được đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy các con và sống hạnh phúc.

*** Người làm chứng bà Trịnh Thị P trình bày:** Bà P với vợ chồng ông Nguyễn Văn N, bà Đinh Thị V là hàng xóm gần nhà nhau và không có mâu thuẫn gì. Quá trình sinh sống tại địa phương, bà Trịnh Thị P không thấy vợ chồng ông N, bà V có mâu thuẫn gì và vẫn đi làm bình thường. Bà V và ông N sống hiền lành và không làm mất lòng hàng xóm xung quanh. Hàng ngày bà V đi buôn bán ở chợ thị trấn M' từ lúc 04 giờ sáng đến 11 giờ trưa mới về nhà. Bà V luôn lo toan và chăm sóc cho gia đình, không để mất đoàn kết bên ngoài và bên nội.

Tại bản án số 03/2022/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M' Đắk, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 157, Điều 165, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, Điều 219, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn N đối với bà Đinh Thị V.
2. Đình chỉ yêu cầu của bà Đinh Thị V về yêu cầu ông Nguyễn Văn N chia tài sản chung của vợ chồng, cụ thể: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 049368 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 08/7/1994 cho ông Nguyễn Đ N (Ngày 25/8/2011 đã đính chính lại tên Nguyễn Văn N). Nguồn gốc thửa đất trên do ông Nguyễn Văn N nhận chuyển nhượng từ năm 1992. Thửa đất số 09, tờ bản đồ số 02, diện tích 4.356,5 m². Địa chỉ: Thôn TL, xã CM, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Các tài sản khác gồm: 01 bộ bàn ghế Âu Á, chất liệu gỗ hương; 01 bộ phản chất liệu bằng gỗ đôi; 01 bộ phản chất liệu bằng gỗ lát; 01 bộ bàn ăn chất liệu bằng gỗ đôi; 01 xe mô tô nhãn hiệu AirBlack mua năm 2017 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave mua năm 2011.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/3/2022 nguyên đơn ông Nguyễn Văn N kháng cáo bản án sơ thẩm số 03/2022/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giải quyết cho ông được ly hôn với bà Đinh Thị V.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn N giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án HĐXX, thư ký Tòa án, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét mâu thuẫn trong gia đình ông N bà V ở góc độ gia đình, mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng. Bản thân bà V đã nhận ra sai lầm, tại phiên tòa phúc thẩm bà V tha thiết có nguyện vọng xin được đoàn tụ để nuôi dạy các con. Do đó, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận đơn kháng cáo của ông N giữ nguyên nội dung bản án hôn nhân sơ thẩm số 03/2022/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M' Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông N làm trong hạn luật định, ông N đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Mỹ H là con chung của ông Ngọc và bà V vắng mặt tại phiên tòa. Anh Đ và chị H tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong phần chia tài sản chung. Tuy nhiên, phần chia tài sản chung đã đình chỉ, không có kháng cáo kháng nghị và đã có hiệu lực pháp luật. Anh Đ, chị H không có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong quan hệ hôn nhân giữa ông N bà V nên HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Đ chị H không ảnh hưởng gì đến quyền và nghĩa vụ của họ.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Nguyễn Văn N trình bày ông và bà Đinh Thị V chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CM, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã thậm chí xô xát. Những việc lớn trong gia đình bà V không bàn bạc, hỏi ý kiến ông mà tự ý quyết định, sau đó cũng không thông báo với ông, các con cũng không tôn trọng ông. Quá trình mâu thuẫn ông N có nhắc nhở nhiều lần, bà V cũng hứa sẽ thay đổi nhưng vẫn chứng nào tật nấy. Vợ chồng ông bà đã tự hòa giải nhưng không có kết quả. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay nên ông làm đơn xin được ly hôn với bà V.

Xét lời trình bày về mâu thuẫn vợ chồng của ông N phù hợp với lời khai của bà V đã có trong hồ sơ vụ án. Tại biên bản lấy lời khai (bl 35) bà V xác định ông N thường xuyên xúc phạm bà; trong đơn yêu cầu chia tài sản chung (bl 41a) bà V xác định 25 năm chung sống với ông N không có hạnh phúc, ông N gia trưởng, ghen tuông đánh đập hành hạ bà. Tại phiên tòa sơ thẩm (bl 185) bà V xác định trong thời gian sống ly thân ông N không quan tâm, không có trách nhiệm với các con. Tại biên bản xác minh (bl 166) tổ trưởng tổ dân phố xác định ông N ở nhà trên bà V ở nhà dưới. Tại cấp phúc thẩm ông N cung cấp tài liệu chứng cứ có xác nhận của Ban tự quản thôn thể hiện ông N, bà V đã sống ly thân, mỗi người một nhà từ năm 2018 đến nay.

Cấp sơ thẩm đưa người làm chứng là người nhà của bị đơn tham gia tố tụng để làm căn cứ đánh giá chứng cứ là chưa đúng với mâu thuẫn thực tế giữa các đương sự.

Như vậy, có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn gia đình ông N bà V đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện nay ông N không còn tình cảm và kiên quyết xin được ly hôn với bà V, nếu tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai người. Do đó, việc kiện xin ly hôn của ông N là có căn cứ.

Từ những phân tích nhận định nêu trên xét thấy cần chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N – sửa một phần bản án hôn nhân sơ thẩm số 03/2022/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M’ Đrắk, tỉnh Đắk Lắk chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Văn N với bà Đinh Thị V.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do đơn kháng cáo được chấp nhận nên nguyên đơn ông Nguyễn Văn N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLTTDS chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N – sửa một phần bản án hôn nhân sơ thẩm số 03/2022/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M’ Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Văn N với bà Đinh Thị V. Ông Nguyễn Văn N được ly hôn với bà Đinh Thị V.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời hạn hết kháng cáo kháng cáo, kháng nghị.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn N được nhận lại 300.0000đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0009341 tại Chi cục thi hành án huyện M' Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện M'Đrăk;
- Chi cục THADS huyện M;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Nguyễn Đình Triết